

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 9 - 2022.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Đại.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Ngọc Hiệp.
2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: 88/6/41A, khu phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

**\* Bị đơn:** Bà Ngô Thị Tuyết H, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: hẻm 90, đường T, tổ 17, ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

*(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Ông và bà H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách vợ và chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai vợ chồng đã ly thân với nhau. Ông

xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: ông và bà H có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 15/5/2016. Ly hôn, ông xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Bị đơn bà Ngô Thị Tuyết H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: ông T, bà H trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Về con chung: ông T và bà H 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 15/5/2016. Ly hôn giao cháu V cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Ngô Thị Tuyết H cư trú tại xã T, huyện V, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn năm 2015. Căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông Phong khởi kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà H xảy ra từ năm 2018 đến nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, không chăm lo cuộc sống gia đình, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện nay đã ly thân với nhau. Giữa hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng bà H vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ bà H không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì giữa ông T và bà H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như ông T đã trình bày.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà H là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T, ông T được ly hôn với bà H.

Về con: ông T và bà H 01 con chung là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 15/5/2016. Ly hôn ông T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bà H không có ý kiến nội dung này.

Căn cứ biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án xác định cháu V đang sống chung với ông T, ông T có việc làm, có thu nhập và có chỗ ở ổn định để có thể đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử xác định ông T là người đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, nên giao cháu V cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con ông T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Bà H được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu về ly hôn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: ông Nguyễn Văn T được ly hôn đối với bà Ngô Thị Tuyết H.

- Về con: giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 15/5/2016 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà H được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004460 ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã L., Tp. B, Tỉnh B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**Nguyễn Đức Đại**